

Số: 2399/QĐ-TLĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XIII)

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Công đoàn được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2024;
 - Căn cứ Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XIII, thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam (sửa đổi, bổ sung);
 - Căn cứ Công văn số 10897-CV/VPTW ngày 14/8/2024 của Văn phòng Trung ương về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XIII;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XIII) đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam và ý kiến thẩm định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Điều lệ Công đoàn Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các cấp công đoàn, cán bộ, đoàn viên công đoàn có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng ở TW; } Đề
- Văn phòng Chính phủ; } biết
- LDLĐ tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- CĐ ngành trung ương và tương đương;
- CĐ tổng công ty trực thuộc TLĐ;
- Lưu: VT, ToC.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Khang

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM



**ĐIỀU LỆ
CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

HÀ NỘI - 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Công đoàn Việt Nam, tiền thân là Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ, được thành lập ngày 28 tháng 7 năm 1929.

Công đoàn Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và của người lao động, do người lao động tự nguyện lập ra, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện đại, lớn mạnh; đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; giám sát phản biện xã hội, tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công đoàn Việt Nam có tính chất giai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng, là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công đoàn Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, luôn gắn với lợi ích quốc gia, dân tộc, giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chương I

ĐOÀN VIÊN VÀ CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN

Điều 1. Đối tượng và điều kiện gia nhập Công đoàn Việt Nam

1. Đối tượng kết nạp

a) Người lao động là công dân Việt Nam làm công hưởng lương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, tuyển dụng, sử dụng người lao động và trả lương, tiền công theo quy định; người làm việc không có quan hệ lao động trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên.

2. Điều kiện gia nhập

- a) Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam;
- b) Tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- c) Tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam;
- d) Không là thành viên tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

3. Khuyến khích người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tham gia các hình thức tập hợp do Công đoàn Việt Nam tổ chức.

4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 2. Quyền và nhiệm vụ của đoàn viên

1. Quyền của đoàn viên

a) Được gia nhập và tham gia hoạt động công đoàn theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

b) Được yêu cầu công đoàn đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm. Đề xuất với tổ chức công đoàn kiến nghị với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật đối với người lao động.

c) Được thông tin, thảo luận, đề xuất, biểu quyết công việc của tổ chức công đoàn, bầu cử cơ quan lãnh đạo của tổ chức công đoàn, chất vấn cán bộ lãnh đạo công đoàn, kiến nghị xử lý kỷ luật cán bộ công đoàn có sai phạm.

d) Đoàn viên công đoàn là công dân Việt Nam được tham gia thành lập công đoàn cấp cơ sở, được ứng cử, đề cử cơ quan lãnh đạo của tổ chức công đoàn, đoàn viên công đoàn ưu tú được giới thiệu để Đảng bồi dưỡng, xem xét, kết nạp.

đ) Được tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công đoàn, người lao động và quy định của Công đoàn.

e) Được công đoàn hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ pháp lý miễn phí pháp luật về lao động, công đoàn, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động; được công đoàn đại diện tham gia tố tụng trong các vụ án lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật.

g) Được công đoàn thăm hỏi, hỗ trợ khi ốm đau, thai sản, khó khăn, hoạn nạn và thụ hưởng hoạt động chăm lo, phúc lợi khác do Công đoàn thực hiện; được tham gia các hoạt động văn hoá, thể thao, giải trí, du lịch do công đoàn tổ chức hoặc phối hợp tổ chức; được công đoàn hướng dẫn, hỗ trợ tìm việc làm, học nghề, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp.

h) Được cấp thẻ đoàn viên công đoàn và được hưởng các chương trình phúc lợi, chính sách an sinh, chính sách nhà ở xã hội, ưu đãi của tổ chức công đoàn.

i) Được tuyên dương, khen thưởng khi có thành tích trong lao động, sản xuất và hoạt động công đoàn.

k) Được tạm dừng sinh hoạt công đoàn và không phải đóng đoàn phí khi tạm hoãn hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc bị mất việc làm.

l) Đoàn viên đã nghỉ hưu, nếu tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động và có nguyện vọng thì được ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở xem xét tiếp tục là đoàn viên công đoàn.

2. Nhiệm vụ của đoàn viên

a) Chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết của công đoàn các cấp, tham gia các hoạt động và sinh hoạt công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định.

b) Không ngừng học tập, nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp; tác phong làm việc, rèn luyện, phẩm chất giai cấp công nhân.

c) Đoàn kết, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp trong lao động và trong cuộc sống; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động và tổ chức công đoàn; không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động; tham gia xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phát triển vững mạnh.

d) Tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập Công đoàn Việt Nam và tham gia xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh.

3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 3. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam, thẻ đoàn viên và chuyển sinh hoạt công đoàn

1. Thủ tục gia nhập Công đoàn Việt Nam

a) Người lao động phải có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam.

b) Ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở xem xét, quyết định kết nạp đoàn viên công đoàn.

c. Nơi chưa có tổ chức công đoàn, người lao động nộp đơn gia nhập Công đoàn Việt Nam thông qua ban vận động thành lập công đoàn cấp cơ sở theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này, hoặc nộp đơn cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở để được xem xét việc gia nhập Công đoàn Việt Nam.

d. Đoàn viên đã xin ra khỏi tổ chức công đoàn, nếu có đơn gia nhập lại Công đoàn Việt Nam thì ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở xem xét kết nạp lại. Trường hợp đoàn viên bị kỷ luật khai trừ, nếu có đơn xin gia nhập lại Công đoàn Việt Nam thì công đoàn cấp cơ sở đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở xem xét kết nạp lại.

2. Việc cấp và quản lý thẻ đoàn viên công đoàn thực hiện theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Khi thay đổi nơi làm việc, đoàn viên có trách nhiệm thông báo với ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở nơi đang sinh hoạt về việc chuyển sinh hoạt công đoàn; trình thẻ đoàn viên với ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở nơi đến để được tiếp tục sinh hoạt.

Điều 4. Cán bộ công đoàn

1. Cán bộ công đoàn là công dân Việt Nam đảm nhiệm các chức danh từ tổ phó tổ công đoàn trở lên thông qua bầu cử tại đại hội hoặc hội nghị công đoàn; được cấp có thẩm quyền chỉ định, công nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm vào các chức danh cán bộ công đoàn hoặc được giao nhiệm vụ thường xuyên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn.

2. Cán bộ công đoàn gồm có cán bộ công đoàn chuyên trách và cán bộ công đoàn không chuyên trách.

a) Cán bộ công đoàn chuyên trách là người được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, chỉ định để đảm nhiệm thường xuyên công việc trong tổ chức Công đoàn

b) Cán bộ công đoàn không chuyên trách là người được công đoàn các cấp bầu cử hoặc cấp có thẩm quyền của Công đoàn chỉ định vào chức danh từ tổ phó tổ công đoàn trở lên để kiêm nhiệm công việc của tổ chức Công đoàn.

3. Cán bộ công đoàn trung thành với Tổ quốc, với Công đoàn Việt Nam và giai cấp công nhân Việt Nam, hết lòng phục vụ đoàn viên, người lao động, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công đoàn Việt Nam, có trình độ, năng lực, kỹ năng vận động người lao động, có sức khỏe, uy tín, bản lĩnh, tâm huyết thực hiện nhiệm vụ cán bộ công đoàn.

4. Cán bộ công đoàn làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nếu đủ điều kiện về trình độ, năng lực, tiêu chuẩn, uy tín theo các quy định của Đảng, Nhà nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thì có thể được tuyển dụng, điều động, tiếp nhận, bố trí làm công việc phù hợp tại các cơ quan của công đoàn.

5. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của cán bộ công đoàn

1. Quyền của cán bộ công đoàn

- a) Là người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động.
- b) Được thực hiện các quyền của cán bộ công đoàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- c. Được bảo đảm điều kiện hoạt động công đoàn tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật.
- d. Được bảo vệ khi bị phân biệt đối xử vì lý do gia nhập, hoạt động công đoàn; được giúp đỡ, hỗ trợ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- đ. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, công tác công đoàn.
- e. Được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn.

2. Trách nhiệm của cán bộ công đoàn

- a) Thực hiện quy định của pháp luật để đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, tập thể người lao động.
- b) Giữ mối liên hệ mật thiết với đoàn viên và người lao động; lắng nghe ý kiến, kiến nghị của đoàn viên và người lao động để giải quyết, tư vấn hoặc báo cáo, phản ánh kịp thời với tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết.
- c. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy chế của đơn vị; không ngừng học tập, nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp; rèn luyện phẩm chất, tác phong, tinh thần trách nhiệm, ý thức giai cấp, lòng tự hào, tự tôn dân tộc.
- d. Nêu gương về mọi mặt đối với đoàn viên, người lao động; tích cực bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng và tổ chức Công đoàn Việt Nam.
- đ. Phát triển, quản lý đoàn viên và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; vận động, thu hút, tập hợp thành viên, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp gia nhập Công đoàn Việt Nam.
- e. Đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của công đoàn các cấp.
- g. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của tổ chức công đoàn đúng quy định.
- h. Thực hiện các nhiệm vụ khác do tổ chức công đoàn phân công.

Điều 6. Miễn nhiệm, thôi chức cán bộ công đoàn

1. Cán bộ công đoàn không đáp ứng yêu cầu công việc, uy tín giám sát, có vi phạm nhưng chưa tới mức xử lý kỷ luật cách chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định miễn nhiệm.
2. Cán bộ công đoàn có đơn tự nguyện xin thôi chức thì cấp có thẩm quyền xem xét chấp thuận cho thôi chức.
3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Chương II

NGUYÊN TẮC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Công đoàn Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; cơ quan lãnh đạo công đoàn các cấp do bầu cử lập ra, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức.
2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công đoàn Việt Nam là Đại hội Công đoàn Việt Nam. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp công đoàn là đại hội công đoàn cấp đó. Cơ quan lãnh đạo của công đoàn mỗi cấp giữa hai kỳ đại hội là ban chấp hành.
3. Nghị quyết của công đoàn các cấp được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh.

Điều 8. Huy hiệu, Cờ, Bài hát truyền thống Công đoàn Việt Nam

Công đoàn Việt Nam sử dụng thống nhất Huy hiệu, Cờ, Bài hát truyền thống theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 9. Hệ thống tổ chức công đoàn các cấp

Công đoàn Việt Nam là tổ chức thống nhất, bao gồm 4 cấp sau đây:

1. Cấp Trung ương: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
2. Công đoàn cấp tỉnh, ngành trung ương và tương đương gồm: Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là liên đoàn lao động cấp tỉnh); công đoàn ngành trung ương; công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở gồm:

a) Liên đoàn lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là liên đoàn lao động cấp huyện).

b) Công đoàn ngành địa phương.

c) Công đoàn các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (gọi chung là công đoàn các khu công nghiệp).

d) Công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

đ) Công đoàn, nghiệp đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác.

4. Cấp cơ sở gồm: Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở.

Điều 10. Đại hội công đoàn các cấp

1. Đại hội công đoàn các cấp có nhiệm vụ:

a) Tổng kết tình hình thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn nhiệm kỳ qua; quyết định phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới.

b) Thảo luận, đóng góp ý kiến văn kiện của đại hội công đoàn cùng cấp và cấp trên (nếu có).

c. Bầu cử ban chấp hành công đoàn, bầu trực tiếp chủ tịch công đoàn cấp cơ sở (nếu có) và bầu cử đại biểu đi dự đại hội công đoàn cấp trên.

d. Thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam (đối với Đại hội Công đoàn Việt Nam).

2. Đại hội công đoàn các cấp được tổ chức theo nhiệm kỳ năm năm một lần. Nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp dưới có thể được điều chỉnh cho phù hợp nhiệm kỳ đại hội công đoàn cấp trên và tình hình thực tế. Đại hội Công đoàn Việt Nam do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

3. Đại hội công đoàn có hai hình thức: Đại hội đại biểu và đại hội toàn thể đoàn viên.

4. Thành phần đại biểu chính thức của đại hội đại biểu.

a) Ủy viên ban chấp hành đương nhiệm.

b) Đại biểu do công đoàn cấp dưới bầu.

c. Đại biểu chỉ định với số lượng không quá năm phần trăm (5%) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập.

5. Đại biểu dự đại hội đại biểu phải được đại hội thẩm tra và biểu quyết công nhận tư cách đại biểu. Người đang trong thời gian chấp hành các hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên, người bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc đang

chấp hành bản án hình sự theo quy định pháp luật thì không đủ tư cách đại biểu.

6. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 11. Hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn các cấp

1. Những nơi không đủ điều kiện tổ chức đại hội và được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý thì tổ chức hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể. Trường hợp không thể tổ chức được hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể thì có thể tổ chức hội nghị ban chấp hành công đoàn mở rộng sau khi có sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp.

2. Nhiệm vụ của hội nghị đại biểu, hội nghị toàn thể công đoàn các cấp

a) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đại hội; bổ sung phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch hoạt động của công đoàn cấp mình.

b) Góp ý kiến vào văn kiện đại hội công đoàn cấp trên (nếu có).

c) Bầu cử đại biểu đi dự đại hội hoặc hội nghị đại biểu công đoàn cấp trên, bổ sung ban chấp hành (nếu có).

3. Đại biểu dự hội nghị đại biểu hoặc hội nghị toàn thể thực hiện như quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 10 Điều lệ này.

4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 12. Nguyên tắc, hình thức bầu cử tại đại hội, hội nghị công đoàn

1. Đại hội, hội nghị công đoàn các cấp hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên được triệu tập tham dự.

2. Hình thức bầu cử

a) Bỏ phiếu kín thực hiện trong các trường hợp: Bầu ban chấp hành và các chức danh của ban chấp hành công đoàn các cấp; bầu ủy ban kiểm tra và các chức danh của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp; bầu cử tổ trưởng, tổ phó công đoàn và các chức danh cán bộ công đoàn khác; bầu đại biểu dự đại hội công đoàn cấp trên; lấy phiếu giới thiệu các ứng cử viên để đưa vào danh sách bầu cử.

b) Biểu quyết giơ tay hoặc sử dụng thẻ đoàn viên công đoàn trong các trường hợp: Bầu các cơ quan điều hành, giúp việc đại hội, hội nghị (đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, ban thẩm tra tư cách đại biểu, ban kiểm phiếu); thông qua số lượng và danh sách bầu cử; thông qua nghị quyết của đại hội, hội nghị.

3. Người trúng cử phải có số phiếu bầu đạt tỷ lệ quá một phần hai (1/2) so với tổng số đại biểu được triệu tập và theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp.

4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 13. Ban chấp hành công đoàn các cấp

1. Ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó bầu ra, là đại diện của đoàn viên và người lao động cấp đó. Ban chấp hành công đoàn cấp dưới phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận. Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá mới thay mặt Ban Chấp hành ký thông báo kết quả bầu cử Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch, Ủy ban kiểm tra, các chức danh trong Ban Chấp hành, Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành, uỷ viên ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn cấp dưới. Nếu chỉ định toàn bộ ban chấp hành thì trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ khi được chỉ định, ban chấp hành được chỉ định phải tổ chức đại hội, hội nghị (đại biểu hoặc toàn thể) để bầu ban chấp hành mới. Công đoàn cấp trên trực tiếp điều chỉnh thời gian hoạt động của ban chấp hành công đoàn cấp dưới phù hợp với nhiệm kỳ của công đoàn cấp trên.

3. Ban chấp hành công đoàn các cấp quyết định các vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; chuẩn bị các báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động trước đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp, công đoàn cấp trên và công đoàn cấp dưới.

4. Số lượng uỷ viên ban chấp hành công đoàn cấp nào do đại hội công đoàn cấp đó quyết định và không vượt số lượng theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Trường hợp cần tăng thêm số lượng uỷ viên ban chấp hành so với số lượng đã được đại hội biểu quyết thông qua hoặc vượt quá số lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, phải xin ý kiến bằng văn bản và phải được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp trước khi tiến hành quy trình, thủ tục bầu bổ sung theo quy định, nhưng không vượt quá mười phần trăm (10%). Trường hợp tăng số lượng uỷ viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định, nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) so với số lượng uỷ viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã được Đại hội Công đoàn Việt Nam quyết định.

5. Khi khuyết uỷ viên Ban chấp hành công đoàn cấp nào thì ban chấp hành công đoàn cấp đó tiến hành quy trình, thủ tục bầu bổ sung theo quy định nhưng phải đúng cơ cấu do đại hội công đoàn cấp đó quyết định. Số lượng bổ sung trong nhiệm kỳ đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên không vượt quá năm mươi phần trăm (50%) số lượng uỷ viên ban chấp hành đã được đại hội quyết định. Trường hợp cần bổ sung vượt quá quy định trên thì phải được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp.

6. Việc thôi tham gia ban chấp hành công đoàn các cấp

a) Ủy viên ban chấp hành công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc; thôi giữ chức danh, chức vụ hoặc chuyển công tác đến nơi khác không thuộc cơ cấu ban chấp hành; ủy viên ban chấp hành là cán bộ công đoàn chuyên trách khi không còn là chuyên trách công đoàn thì đương nhiên thôi ban chấp hành công đoàn cấp đó và cấp trên (nếu có), kể từ thời điểm ghi trong quyết định nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

b) Ủy viên ban chấp hành công đoàn xin thôi tham gia ban chấp hành hoặc các chức danh trong ban chấp hành không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 6 Điều này phải làm đơn và gửi ban chấp hành công đoàn cùng cấp xem xét, thống nhất và đề nghị công đoàn cấp trên xem xét, quyết định.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành công đoàn các cấp

a) Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động thuộc đối tượng, phạm vi theo phân cấp.

b) Tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội công đoàn cùng cấp, công đoàn cấp trên.

c. Tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và công đoàn cấp trên.

d. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động đối với công đoàn cấp dưới.

đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chuyển giao, tiếp nhận, chia tách, nâng cấp, hạ cấp, giải thể công đoàn cấp dưới, công nhận ban chấp hành, ủy ban kiểm tra (nếu có), các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra công đoàn cấp dưới.

e. Bầu Đoàn Chủ tịch (đối với Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam), bầu ban thường vụ (đối với ban chấp hành công đoàn có từ 09 ủy viên trở lên); bầu các chức danh trong ban chấp hành, bầu ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp.

g. Đào tạo, bồi dưỡng và đảm bảo điều kiện hoạt động cho cán bộ công đoàn; hướng dẫn, hỗ trợ, bảo vệ cán bộ công đoàn khi bị phân biệt đối xử, bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng; ban chấp hành công đoàn cấp trên hỗ trợ ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể, thực hiện quyền tổ chức và lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức chất vấn và trả lời chất vấn của cán bộ, đoàn viên công đoàn tại các hội nghị của ban chấp hành.

i. Định kỳ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động công đoàn với cấp ủy đảng cùng cấp (nếu có), với công đoàn cấp trên trực tiếp và thông báo cho công đoàn cấp dưới.

k. Quản lý tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

8. Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên họp định kỳ sáu tháng một lần; ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở họp định kỳ ba tháng một lần; họp đột xuất khi cần.

9. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 14. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ban thường vụ công đoàn các cấp

1. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, ban thường vụ công đoàn các cấp gồm có chủ tịch, phó chủ tịch và các uỷ viên, là cơ quan thường trực của ban chấp hành, do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu; số lượng không quá một phần ba (1/3) tổng số uỷ viên ban chấp hành.

2. Đoàn Chủ tịch, Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

a) Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chuẩn bị nội dung các hội nghị Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, giải quyết công việc thường xuyên, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Được ban hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chương trình, kết luận và các văn bản phù hợp khác để tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam, các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của bộ máy tham mưu giúp việc tại Cơ quan Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; đại diện cho đoàn viên, người lao động kiến nghị với Đảng, Nhà nước những vấn đề liên quan đến người lao động và tổ chức Công đoàn.

b) Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch, thay mặt Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận, chương trình công tác của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; giải quyết công việc hằng ngày của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các hội nghị Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Ban thường vụ, thường trực ban thường vụ công đoàn các cấp

a) Ban thường vụ công đoàn chuẩn bị nội dung các hội nghị ban chấp hành; điều hành các hoạt động giữa hai kỳ họp ban chấp hành; giải quyết công việc thường xuyên, chỉ đạo hoạt động công đoàn cấp dưới và báo cáo kết quả hoạt động cho ban

chấp hành; được ban hành kết luận, thông báo, quyết định và văn bản khác để chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của ban chấp hành; đại diện cho đoàn viên và người lao động tập hợp các kiến nghị để tham gia với cấp ủy đảng, chính quyền, người sử dụng lao động; cử đại diện tham gia các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Thường trực ban thường vụ (nơi không có ban thường vụ là ban chấp hành) công đoàn các cấp gồm chủ tịch, phó chủ tịch, thay mặt ban thường vụ (ban chấp hành) chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra giải quyết công việc hằng ngày, quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các hội nghị ban thường vụ (ban chấp hành) cùng cấp.

4. Chủ tịch là người đứng đầu ban chấp hành, có trách nhiệm điều hành hoạt động của Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ, ban chấp hành, là người đại diện theo pháp luật của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

5. Bầu bổ sung các chức danh trong ban chấp hành công đoàn các cấp

a) Khi khuyết Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thì bầu trong số các Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; khi khuyết Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thì bầu trong số Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; khi khuyết Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thì bầu trong số Ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Khi khuyết chủ tịch công đoàn cấp nào thì bầu trong số phó chủ tịch công đoàn cấp đó; khi khuyết phó chủ tịch công đoàn cấp nào thì bầu trong số ủy viên ban thường vụ công đoàn cấp đó; khi khuyết ủy viên ban thường vụ công đoàn cấp nào thì bầu trong số ủy viên ban chấp hành công đoàn cấp đó. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định.

c. Nơi không có ban thường vụ, khi khuyết chủ tịch, phó chủ tịch thì bầu bổ sung trong số các ủy viên ban chấp hành.

6. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam họp định kỳ hai tháng một lần, ban thường vụ công đoàn các cấp họp định kỳ ít nhất hai tháng một lần; họp đột xuất khi cần.

Chương III **CÔNG ĐOÀN CẤP CƠ SỞ**

Điều 15. Điều kiện thành lập công đoàn cấp cơ sở

1. Công đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, được thành lập ở một hoặc một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, khi có từ năm (05) đoàn viên hoặc năm (05) người lao động trở lên, có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam, được công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoặc công đoàn cấp tỉnh,

công đoàn ngành trung ương và tương đương công nhận.

2. Nghiệp đoàn cơ sở là tổ chức cơ sở của Công đoàn Việt Nam, tập hợp những người làm việc không có quan hệ lao động, cùng ngành nghề, hoặc những người lao động đặc thù khác, được thành lập khi có từ năm (05) đoàn viên hoặc năm (05) người lao động trở lên, có đơn tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam, được công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở công nhận.

3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 16. Loại hình, hình thức tổ chức của công đoàn cấp cơ sở

1. Loại hình công đoàn cấp cơ sở

- a) Công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.
- b) Công đoàn cơ sở đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.
- c) Công đoàn cơ sở doanh nghiệp.
- d) Công đoàn cơ sở hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- đ) Nghiệp đoàn cơ sở.

2. Hình thức tổ chức của công đoàn cấp cơ sở có hoặc không có công đoàn cơ sở thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn và do ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở quyết định.

3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 17. Trình tự, thủ tục thành lập, giải thể công đoàn cấp cơ sở

1. Người lao động thành lập công đoàn cấp cơ sở

a) Những nơi chưa có công đoàn cấp cơ sở, người lao động tự nguyện lập ban vận động thành lập công đoàn cấp cơ sở (gọi tắt là ban vận động).

b) Ban vận động thực hiện tuyên truyền, vận động, tiếp nhận đơn gia nhập Công đoàn Việt Nam của người lao động.

c. Khi có đủ điều kiện thành lập công đoàn cấp cơ sở theo quy định, thì ban vận động tổ chức đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở và đăng ký với công đoàn cấp trên; công đoàn cấp trên xem xét, công nhận công đoàn cấp cơ sở.

d. Công đoàn cấp cơ sở hoạt động hợp pháp khi có quyết định công nhận của công đoàn cấp trên.

2. Công đoàn cấp trên xem xét, quyết định thành lập công đoàn cấp cơ sở

Những nơi người lao động không đủ khả năng lập ban vận động, công đoàn cấp trên có trách nhiệm trực tiếp tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập

công đoàn và thực hiện các thủ tục kết nạp đoàn viên, thành lập công đoàn cấp cơ sở, chỉ định ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ban chấp hành, ủy ban kiểm tra)

3. Quyền hạn và trách nhiệm của công đoàn cấp trên trong việc thành lập công đoàn cấp cơ sở

a) Hỗ trợ người lao động lập ban vận động.

b) Hỗ trợ ban vận động về nội dung, phương thức tuyên truyền người lao động gia nhập công đoàn, tổ chức đại hội thành lập công đoàn cấp cơ sở; bầu ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở.

c. Xem xét công nhận hoặc không công nhận đoàn viên, công đoàn cấp cơ sở và ban chấp hành công đoàn cấp cơ sở theo quy định.

4. Công đoàn cấp cơ sở không đủ điều kiện tồn tại và hoạt động thì công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc hợp nhất, sáp nhập.

5. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 18. Việc gia nhập Công đoàn Việt Nam của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp

1. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp được thành lập và hoạt động hợp pháp mà tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, tự nguyện gia nhập Công đoàn Việt Nam thì được xem xét việc gia nhập Công đoàn Việt Nam.

2. Công đoàn cơ sở doanh nghiệp có quyền và trách nhiệm liên kết hoạt động với tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn chi tiết Điều này.

Điều 19. Công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

1. Công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập ở một hoặc một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, do công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 của Điều lệ này.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

a) Tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ.

b) Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức các phong trào thi đua trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

c. Chỉ đạo hoạt động ban thanh tra nhân dân; cử đại diện tham gia các hội đồng xét và giải quyết các quyền lợi của đoàn viên và người lao động; hướng dẫn, hỗ trợ người lao động giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; đối thoại, thương lượng tập thể theo quy định của pháp luật.

d. Tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và các tệ nạn xã hội tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết tranh chấp lao động và thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật.

đ. Tập hợp, nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; tổ chức, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, lao động; tham gia quản lý cơ quan, đơn vị, cải tiến lề lối làm việc và thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

e. Phát triển, quản lý đoàn viên; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở tham gia xây dựng Đảng, xây dựng cơ quan, đơn vị phát triển bền vững.

g. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

h. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 20. Công đoàn cơ sở đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

1. Công đoàn cơ sở đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được thành lập ở một hoặc một số đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, do công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Điều lệ này.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cơ sở đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

là người lao động làm việc trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

a) Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, nội quy, quy chế, điều lệ của đơn vị, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ.

b) Đại diện cho người lao động trong thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật; xây dựng và ký kết quy chế phối hợp hoạt động với người đứng đầu đơn vị; tham gia xây dựng và giám sát thực hiện thang lương, bảng lương, định mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động tại đơn vị; cử đại diện tham gia các hội đồng của đơn vị có liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức các phong trào thi đua trong đơn vị.

c. Tập hợp, nắm bắt và phản ánh tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; phối hợp tổ chức đối thoại giữa người lao động với người đứng đầu đơn vị nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động. Phối hợp với người đứng đầu đơn vị tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức hội nghị người lao động; hướng dẫn người lao động giao kết hợp đồng lao động tại đơn vị.

d. Tham gia xây dựng và giám sát thực hiện nội quy, quy chế, điều lệ của đơn vị, các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động.

đ. Phát triển, quản lý đoàn viên; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị phát triển bền vững.

e. Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

g. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 21. Công đoàn cơ sở doanh nghiệp

1. Công đoàn cơ sở doanh nghiệp được thành lập ở một hoặc một số doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, do công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Điều lệ này.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cơ sở doanh nghiệp là người lao động làm việc trong doanh nghiệp.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở doanh nghiệp

a) Tư vấn, hướng dẫn người lao động về các chính sách, pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; đại diện cho người lao động trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động tại doanh nghiệp; tổ chức, lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật.

b) Đại diện cho tập thể người lao động đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, ký kết và giám sát thực hiện thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật; phối hợp xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức hội nghị người lao động; quản lý và hướng dẫn hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

c. Tham gia xây dựng và giám sát thực hiện thang lương, bảng lương, định mức lao động, quy chế trả lương, quy chế thưởng, nội quy lao động và những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động tại doanh nghiệp. Tham gia các hội đồng của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp. Phối hợp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; phối hợp tổ chức các phong trào thi đua trong doanh nghiệp.

d. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn, nội quy, quy chế, điều lệ của doanh nghiệp, tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ.

đ. Phát triển, quản lý đoàn viên; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững.

e. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

g. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 22. Công đoàn cơ sở hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Công đoàn cơ sở hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập ở một hoặc một số hợp tác xã, do công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 của Điều lệ này.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn cơ sở hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là người lao động làm công hưởng lương trong các hợp tác xã.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường

lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn, nghị quyết đại hội thành viên và điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đại diện cho người lao động trong thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện thoả ước lao động tập thể; hướng dẫn người lao động giao kết hợp đồng lao động. Giám sát hội đồng quản trị thực hiện chế độ, chính sách, phân phối thu nhập, lợi nhuận đối với thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Tập hợp, giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; tham gia, phối hợp với hội đồng quản trị, lãnh đạo đơn vị chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tham gia giải quyết tranh chấp lao động; tổ chức, lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật; quản lý và hướng dẫn hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

d) Phát triển, quản lý đoàn viên; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển bền vững.

đ) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 23. Nghiệp đoàn cơ sở

1. Nghiệp đoàn cơ sở do công đoàn cấp trên trực tiếp quyết định thành lập hoặc công nhận và chỉ đạo hoạt động. Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập hoặc giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 của Điều lệ này.

2. Đối tượng tập hợp của nghiệp đoàn cơ sở là người làm việc không có quan hệ lao động, cùng ngành, nghề hoặc những người lao động đặc thù khác.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của nghiệp đoàn cơ sở

a) Đại diện cho đoàn viên trong đối thoại, thương lượng với các chủ thể liên quan và kiến nghị với chính quyền địa phương, các cơ quan, ban, ngành, cộng đồng dân cư nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập, đời sống, an toàn vệ sinh, lao động và chính sách an sinh xã hội cho đoàn viên.

b) Tập hợp ý kiến, nguyện vọng của đoàn viên để giúp đỡ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết kịp thời đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên.

c) Tuyên truyền, vận động đoàn viên hoàn thành nghĩa vụ trong lao động,

thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức công đoàn; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đoàn viên trong nghề nghiệp và cuộc sống; tham gia, hỗ trợ các cơ quan, ban, ngành, cộng đồng dân cư bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

d) Phát triển, quản lý đoàn viên; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp đoàn cơ sở; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh.

đ) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Chương IV **CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP CƠ SỞ**

Điều 24. Liên đoàn lao động cấp huyện

1. Liên đoàn lao động cấp huyện được thành lập theo đơn vị hành chính cấp huyện và do liên đoàn lao động cấp tỉnh quyết định thành lập, chỉ đạo hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể sau khi có ý kiến đồng ý của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Đối tượng tập hợp của liên đoàn lao động cấp huyện là đoàn viên, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và người làm việc không có quan hệ lao động trên địa bàn cấp huyện, trừ đoàn viên, người lao động đã phân cấp cho công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty và công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn cấp trên khác.

3. Liên đoàn lao động cấp huyện quyết định thành lập, công nhận hoặc giải thể, chia tách, hợp nhất, sáp nhập và chỉ đạo trực tiếp các công đoàn cấp cơ sở trên địa bàn cấp huyện theo phân cấp của liên đoàn lao động cấp tỉnh; phối hợp với công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ đạo công đoàn cấp cơ sở hoạt động theo ngành, nghề trên địa bàn cấp huyện (nếu có).

4. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở khi người lao động yêu cầu. Đại diện cho công đoàn cấp cơ sở hoặc người lao động khởi kiện hoặc tham gia vào các vụ, việc lao động khi được công đoàn cấp cơ sở hoặc người lao động uỷ quyền. Hướng dẫn, hỗ trợ ban chấp hành công đoàn cơ sở doanh nghiệp, đơn vị trong việc thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập

thể; giải quyết tranh chấp lao động; tổ chức đối thoại với người sử dụng lao động.

b) Chủ trì giám sát hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động đối với các cơ sở đóng trên địa bàn; tham gia với địa phương xây dựng các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến việc làm, đời sống của đoàn viên và người lao động.

c) Triển khai thực hiện các nghị quyết và chủ trương công tác của liên đoàn lao động cấp tỉnh; nghị quyết của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình.

d) Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cấp cơ sở; hướng dẫn chấm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cấp cơ sở định kỳ hằng năm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác công đoàn đối với cán bộ công đoàn trực tiếp quản lý.

đ) Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; tổ chức phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động. Tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

e) Phối hợp với các công đoàn cấp trên trực tiếp xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp chỉ đạo công đoàn cấp cơ sở hoạt động theo ngành, nghề trên địa bàn cấp huyện (nếu có).

g) Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động.

h) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

i) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 25. Công đoàn ngành địa phương

1. Công đoàn ngành địa phương do liên đoàn lao động cấp tỉnh quyết định thành lập khi có từ 2000 đoàn viên và 15 công đoàn cấp cơ sở trở lên quản lý và trực tiếp chỉ đạo. Công đoàn ngành địa phương không đủ điều kiện tồn tại thì do liên đoàn lao động cấp tỉnh xem xét, quyết định giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chấm dứt hoạt động và hướng dẫn chuyển giao đoàn viên, công đoàn cấp cơ sở cho công đoàn cấp trên trực tiếp khác tiếp nhận, quản lý và chỉ đạo trực tiếp.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn ngành địa phương là đoàn viên, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh,

trừ đoàn viên, người lao động đã được phân cấp cho liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty và công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn cấp trên khác.

3. Công đoàn ngành địa phương quyết định thành lập, công nhận công đoàn cấp cơ sở theo phân cấp của liên đoàn lao động cấp tỉnh; trực tiếp chỉ đạo công đoàn cấp cơ sở hoạt động, hoặc giải thể, hợp nhất, sáp nhập công đoàn cấp cơ sở khi không đủ điều kiện hoạt động.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cấp cơ sở liên kết hoạt động công đoàn theo ngành, nghề; đại diện cho người lao động trong ngành thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập thể ngành theo quy định của pháp luật; đại diện cho công đoàn cấp cơ sở hoặc người lao động khởi kiện, tham gia vào các vụ, việc về lao động và công đoàn khi được công đoàn cấp cơ sở hoặc người lao động uỷ quyền; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, tổ chức đối thoại với người sử dụng lao động; tổ chức, lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì giám sát hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp xây dựng chế độ, chính sách, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách có liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên, người lao động trong ngành.

c) Triển khai thực hiện các nghị quyết và chủ trương công tác của liên đoàn lao động cấp tỉnh, của cấp uỷ đảng và nghị quyết đại hội công đoàn cấp mình.

d) Triển khai các hoạt động theo ngành, nghề, do công đoàn ngành trung ương và tương đương chỉ đạo, phù hợp với thực tiễn địa phương.

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cấp cơ sở; hướng dẫn chấm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cấp cơ sở định kỳ hằng năm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác công đoàn cho đội ngũ cán bộ công đoàn trực thuộc.

e) Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong ngành.

g) Phối hợp với liên đoàn lao động cấp huyện hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách theo ngành, nghề; đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trong ngành.

h) Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động trong ngành.

i) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

k) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 26. Công đoàn các khu công nghiệp

1. Công đoàn các khu công nghiệp do liên đoàn lao động cấp tỉnh quyết định thành lập khi có từ 2000 đoàn viên và 15 công đoàn cấp cơ sở trở lên đang hoạt động trong các khu công nghiệp, quản lý và chỉ đạo trực tiếp về tổ chức, cán bộ và hoạt động công đoàn các khu công nghiệp. Công đoàn các khu công nghiệp không đủ điều kiện hoạt động, do liên đoàn lao động cấp tỉnh xem xét, quyết định giải thể và hướng dẫn chuyển giao đoàn viên, công đoàn cấp cơ sở cho công đoàn cấp trên trực tiếp khác tiếp nhận, quản lý và chỉ đạo trực tiếp.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn các khu công nghiệp là đoàn viên, người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động hoạt động trong khu công nghiệp, trừ đoàn viên, người lao động thuộc công đoàn ngành trung ương, công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty.

3. Công đoàn các khu công nghiệp quyết định thành lập, công nhận hoặc giải thể, hợp nhất, sáp nhập và trực tiếp chỉ đạo công đoàn cấp cơ sở trực thuộc trong các khu công nghiệp.

4. Các tỉnh, thành phố chưa thành lập công đoàn các khu công nghiệp thì liên đoàn lao động cấp tỉnh phân cấp cho công đoàn cấp trên trực tiếp khác tập hợp đoàn viên, người lao động, thành lập công đoàn cấp cơ sở trong các khu công nghiệp và trực tiếp chỉ đạo hoạt động công đoàn theo phân cấp.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp chưa thành lập công đoàn cơ sở khi người lao động yêu cầu.

b) Đại diện công đoàn cơ sở, người lao động khởi kiện, tham gia tố tụng trong các vụ án lao động, công đoàn, giải quyết tranh chấp lao động khi được ủy quyền.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều lệ Công đoàn Việt Nam; hướng dẫn, hỗ trợ ban chấp hành công đoàn cơ sở trong việc thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể; giải quyết tranh chấp lao động, tổ chức đối thoại với người sử dụng lao động; tổ chức, lãnh đạo đình công theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì giám sát hoặc tham gia với ban quản lý các khu công nghiệp, cơ quan quản lý lao động địa phương giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, người lao động trong các khu công nghiệp, tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật lao động khi có yêu cầu.

đ) Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; hướng dẫn chấm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở định kỳ hằng năm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác công đoàn đối với cán bộ công đoàn trực tiếp quản lý.

e) Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động.

g) Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động trong khu công nghiệp.

h) Phối hợp với các công đoàn cấp trên khác xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp chỉ đạo công đoàn cấp cơ sở hoạt động theo ngành nghề trong các khu công nghiệp (nếu có).

i) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

k) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 27. Công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty

1. Công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty nhà nước

a) Công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty (gọi tắt là công đoàn tổng công ty) được thành lập khi có từ 2000 đoàn viên và 15 công đoàn cơ sở trở lên.

b) Đối tượng tập hợp của công đoàn tổng công ty là đoàn viên và người lao động trong các đơn vị sử dụng lao động thuộc tổng công ty.

c) Tập đoàn kinh tế, tổng công ty do uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thành lập thì liên đoàn lao động cấp tỉnh quyết định thành lập công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty này và trực tiếp chỉ đạo.

d) Tập đoàn kinh tế, tổng công ty do bộ, ngành trung ương thành lập hoặc được phân cấp quản lý thì công đoàn ngành trung ương quyết định thành lập công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty này và trực tiếp chỉ đạo.

đ) Tập đoàn kinh tế, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ thành lập thì

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định thành lập công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty này và trực tiếp chỉ đạo hoặc phân cấp cho công đoàn cấp trên phù hợp.

e) Trường hợp công đoàn tổng công ty không đủ số lượng đoàn viên, công đoàn cơ sở theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thì được xem xét, quyết định giải thể hoặc sắp xếp lại theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

g) Nhiệm vụ, quyền hạn

- Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở hoạt động theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam; tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn, thực hiện nghĩa vụ công dân và người lao động.

- Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở tổ chức đối thoại, thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể theo quy định của pháp luật; đại diện cho người lao động ở những nơi chưa có công đoàn cơ sở để đối thoại, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động.

- Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; hướng dẫn chấm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở định kỳ hằng năm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác công đoàn đối với cán bộ công đoàn trực tiếp quản lý.

- Phối hợp với lãnh đạo tập đoàn kinh tế, tổng công ty hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện dân chủ ở cơ sở, tổ chức hội nghị người lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động ở các đơn vị sử dụng lao động trực thuộc; tham gia xây dựng Đảng vững mạnh; xây dựng tập đoàn kinh tế, tổng công ty phát triển bền vững.

- Chủ trì giám sát hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động.

- Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

- Phối hợp với lãnh đạo tập đoàn kinh tế, tổng công ty xây dựng và tổ chức

thực hiện quy chế phối hợp hoạt động, chỉ đạo các công đoàn cơ sở xây dựng quy chế phối hợp hoạt động với lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

2. Công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty ngoài khu vực nhà nước.

Điều kiện thành lập, giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty ngoài khu vực nhà nước thực hiện theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 28. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác

1. Các đại học quốc gia, đại học vùng, đại học khác; cơ quan bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp ở trung ương, đảng uỷ khối đảng, khối chính quyền cấp tỉnh được thành lập công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khi có từ 1.500 đoàn viên và 15 công đoàn cơ sở trở lên (trừ trường hợp đặc thù) do công đoàn ngành trung ương và tương đương, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập và trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động.

2. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác được quyết định thành lập công đoàn cơ sở trực thuộc và trực tiếp chỉ đạo công đoàn cơ sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

3. Khi công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác không đủ điều kiện hoạt động thì công đoàn ngành trung ương và tương đương, liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện sắp xếp lại theo hình thức hạ cấp thành công đoàn cơ sở hoặc giải thể, đồng thời chuyển đoàn viên, các công đoàn cơ sở về công đoàn ngành trung ương và tương đương hoặc liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động theo quy định của pháp luật.

b) Tuyên truyền, vận động đoàn viên, người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn, thực hiện nghĩa vụ công dân và người lao động.

c. Hướng dẫn, hỗ trợ công đoàn cơ sở hoặc đại diện cho đoàn viên, người lao động tổ chức đối thoại, thương lượng ký kết thỏa ước lao động tập thể (nếu có) theo quy định của pháp luật.

d. Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển và quản lý đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở; hướng dẫn chấm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở định kỳ hằng năm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác công đoàn đối với cán bộ công đoàn trực tiếp quản lý.

đ. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động; tham gia với chuyên môn đồng cấp các giải pháp thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác; tham gia xây dựng Đảng, cơ quan chuyên môn trong sạch, vững mạnh.

e. Chủ động hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách của người lao động; tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động.

g. Triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối với đoàn viên, người lao động trong cơ quan, đơn vị.

h. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp giữa các công đoàn cấp trên trong việc chỉ đạo hoạt động của công đoàn cơ sở trực thuộc.

i. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

k. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Chương V

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG, CÔNG ĐOÀN NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

Điều 29. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức theo đơn vị hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Đối tượng tập hợp của liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là đoàn viên, người lao động thuộc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và công đoàn cơ sở trực thuộc.

3. Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập và chỉ đạo hoạt động hoặc giải thể các

liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn khối, công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty, công đoàn cơ sở thuộc tỉnh, thành phố sau khi có ý kiến đồng ý của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Đại diện, chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trên địa bàn.

b) Tuyên truyền, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn.

- Tham gia với cấp uỷ đảng, cơ quan nhà nước tỉnh, thành phố về các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của đoàn viên, người lao động trên địa bàn; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội.

- Tham gia xây dựng và phản biện đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn, người lao động; tham gia cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

c) Chủ trì giám sát hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật về công đoàn, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn vệ sinh lao động, thỏa ước lao động tập thể, thực hiện dân chủ ở cơ sở và chế độ chính sách pháp luật khác có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; hướng dẫn và chỉ đạo giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các doanh nghiệp trên địa bàn.

d) Chỉ đạo liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn khối, công đoàn ngành địa phương, công đoàn các khu công nghiệp, công đoàn tổng công ty trực thuộc, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác và công đoàn cơ sở trực thuộc thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

đ) Phối hợp, hướng dẫn các công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn cấp trên khác đóng trên địa bàn hoạt động theo ngành nghề; triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

e) Vận động, tổ chức cho đoàn viên, người lao động học tập nâng cao trình độ chính trị, pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao cho đoàn viên và người lao động; quản lý các thiết chế công đoàn, cơ sở giáo dục, đào tạo, trung tâm tư vấn và hỗ trợ người lao động.

g) Thực hiện công tác cán bộ theo phân cấp; phối hợp với cấp ủy cấp huyện và tương đương trong việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ theo phân cấp.

h) Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội, hội nghị công đoàn cấp dưới; chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên; đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức công đoàn hằng năm; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác công đoàn đối với cán bộ công đoàn trực tiếp quản lý.

i) Thực hiện hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

k) Quản lý và sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

l) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 30. Công đoàn ngành trung ương và tương đương

1. Công đoàn ngành trung ương và tương đương tổ chức cùng ngành nghề, có phạm vi toàn quốc do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định thành lập, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc giải thể phù hợp với đặc điểm của ngành nghề.

2. Đối tượng tập hợp của công đoàn ngành trung ương và tương đương là đoàn viên, người lao động thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, thuộc công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và công đoàn cơ sở trực thuộc.

3. Công đoàn ngành trung ương và tương đương quyết định thành lập, hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao, tiếp nhận, chia tách, hoặc giải thể công đoàn tập đoàn kinh tế, công đoàn tổng công ty, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác và công đoàn cơ sở cùng ngành nghề trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động công đoàn theo quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động cùng ngành nghề.

b) Tuyên truyền, tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của ngành và của tổ chức công đoàn.

c) Đại diện người lao động trong ngành thương lượng, ký kết thoả ước lao động tập thể ngành theo quy định của pháp luật.

d) Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội

- Nghiên cứu, tham gia với bộ, ngành về chiến lược phát triển của ngành, gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân, lao động trong ngành.

- Nghiên cứu, tham gia xây dựng và phản biện đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn, người lao động theo ngành nghề; tham gia cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tham gia xây dựng Đảng vững mạnh, xây dựng cơ quan, đơn vị, ngành phát triển bền vững.

- Chủ trì giám sát hoặc tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và công đoàn các cấp tiến hành kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về công đoàn, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn vệ sinh lao động, thỏa ước lao động tập thể, thực hiện dân chủ ở cơ sở và chế độ chính sách pháp luật khác liên quan đến quyền và lợi ích của đoàn viên, người lao động thuộc ngành; tham gia các hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến đoàn viên, người lao động; kiến nghị với cơ quan nhà nước sửa đổi, bổ sung và giải quyết chế độ, chính sách ngành nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, chuyên môn và công đoàn các cấp có liên quan hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm của ngành.

đ) Nghiên cứu, đề xuất với Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp công đoàn thuộc công đoàn ngành; thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn và chính sách cán bộ theo phân cấp.

e) Chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cấp dưới

- Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, công đoàn cấp trên và nghị quyết đại hội công đoàn ngành trung ương.

- Đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; thương lượng, ký thỏa ước lao động tập thể.

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến đoàn viên và người lao động, vận động đoàn viên, người lao động nâng cao trình độ, nghề nghiệp; tổ chức phong trào thi đua yêu nước và các hoạt động xã hội phù hợp với đặc điểm ngành; tham gia xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng cơ quan, đơn vị phát triển bền vững.

g) Chủ động phối hợp với các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn ngành địa phương và các công đoàn trực thuộc thực hiện các nội dung về chế độ, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống ngành; phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước cùng ngành; phối hợp chỉ đạo các công đoàn trực thuộc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động; chăm lo lợi ích đoàn viên, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

h) Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội công đoàn cấp dưới; chỉ đạo phát triển đoàn viên, quản lý đoàn viên, vận động thành lập công đoàn cơ sở trong các cơ quan, doanh nghiệp cùng ngành nghề. Đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức công đoàn hằng năm theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

i) Thực hiện hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

k) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

l) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

5. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định chi tiết Điều này.

Điều 31. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam là công đoàn ngành trung ương thuộc hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam.

2. Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam tập hợp những cán bộ, công nhân viên chức quốc phòng, người lao động đang làm việc, hưởng lương trong các doanh nghiệp, đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Tổ chức và hoạt động công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quy định sau khi thống nhất với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 32. Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam

1. Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam là công đoàn ngành trung ương thuộc hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam.

2. Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam tập hợp cán bộ, chiến sĩ,

công nhân, lao động đang làm việc, hưởng lương trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong Công an nhân dân Việt Nam.

3. Tổ chức và hoạt động của Công đoàn trong Công an nhân dân Việt Nam do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định sau khi thống nhất với Đảng uỷ Công an Trung ương trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công an nhân dân, Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và các nhiệm vụ khác theo quy định.

Chương VI

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1. Quyết định chương trình, nội dung hoạt động của công đoàn nhằm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn.

2. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng và phản biện đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của đoàn viên công đoàn, người lao động; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật về kinh tế - xã hội, lao động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động và chính sách, pháp luật khác có liên quan đến người lao động và tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học về lao động, công đoàn, an toàn, vệ sinh lao động; tham gia các uỷ ban, hội đồng, ban chỉ đạo quốc gia về các vấn đề có liên quan đến người lao động.

3. Phối hợp với các cơ quan của Đảng, cơ quan của Nhà nước, doanh nghiệp, trong việc bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho đoàn viên và người lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tiến hành giám sát, phản biện xã hội và các hoạt động xã hội trong đoàn viên và người lao động.

4. Quyết định phương hướng, biện pháp về công tác tổ chức, cán bộ; xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn chức danh cán bộ công đoàn; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách đối với cán bộ chuyên trách công đoàn theo phân cấp quản lý.

5. Hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động đại diện, chăm lo, bảo vệ đoàn viên và người lao động, các phong trào thi đua yêu nước và hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch của công đoàn các cấp.

6. Ban hành quy định khung về nguyên tắc, nội dung, phương thức thực hiện mối quan hệ công tác giữa công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trong chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, tư vấn hoạt động công đoàn theo ngành nghề trên địa bàn tỉnh, thành phố.

7. Hướng dẫn, quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của pháp luật. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quy định chi tiết việc quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về công đoàn theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản; hướng dẫn, chỉ đạo công tác quản lý tài chính, tài sản và các hoạt động kinh tế công đoàn; thông qua quyết toán, dự toán tài chính công đoàn hằng năm theo quy định của pháp luật Nhà nước.

Chương VII CÔNG TÁC NỮ CÔNG

Điều 34. Công tác nữ công

1. Công tác nữ công là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm phát huy vai trò và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên nữ, lao động nữ theo quy định của pháp luật và tổ chức công đoàn.

2. Việc thành lập ban nữ công quần chúng và bố trí cán bộ làm công tác nữ công thực hiện theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 35. Nhiệm vụ công tác nữ công

1. Tham gia triển khai thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến lao động nữ; thực hiện các hoạt động về giới, bình đẳng giới, vì sự phát triển của phụ nữ; công tác cán bộ nữ, dân số, sức khỏe sinh sản; công tác gia đình, trẻ em.

2. Tổ chức các phong trào trong đoàn viên nữ, lao động nữ.

3. Đại diện tham gia giải quyết các vấn đề có liên quan trực tiếp đến đoàn viên nữ, lao động nữ và trẻ em.

4. Thực hiện lồng ghép các hoạt động của hội liên hiệp phụ nữ với hoạt động nữ công công đoàn.

Chương VIII **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CÔNG ĐOÀN**

Điều 36. Tài chính công đoàn

1. Công đoàn thực hiện quản lý, sử dụng tài chính theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Tài chính công đoàn gồm các nguồn thu sau đây:

- a) Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng hằng tháng bằng một phần trăm (1%) tiền lương;
- b) Kinh phí công đoàn do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đóng theo quy định của pháp luật;
- c) Ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ;
- d) Nguồn thu khác từ hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động kinh tế của Công đoàn; từ các đề tài, đề án, dự án do Nhà nước giao; từ viện trợ, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Tài chính công đoàn được sử dụng cho các nhiệm vụ sau đây:

- a) Thực hiện hoạt động đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn và người lao động; tham gia xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định;
- b) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao trình độ, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong làm việc cho đoàn viên công đoàn, người lao động;
- c) Thăm hỏi, trợ cấp cho đoàn viên công đoàn và người lao động khi ốm đau, thai sản, khó khăn, hoạn nạn; tổ chức hoạt động chăm lo khác đối với đoàn viên công đoàn và người lao động;
- d) Phát triển đoàn viên công đoàn, thành lập công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn cơ sở và xây dựng Công đoàn vững mạnh;
- đ) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; đào tạo, bồi dưỡng người lao động ưu tú tạo nguồn cán bộ cho Đảng, Nhà nước và tổ chức Công đoàn;
- e) Tổ chức phong trào thi đua do Công đoàn chủ trì hoặc phối hợp phát động;
- g) Tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, tham quan, du lịch cho đoàn viên công đoàn và người lao động;

h) Khen thưởng, động viên người lao động, con của người lao động có thành tích trong học tập, công tác;

i) Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho đoàn viên công đoàn và người lao động thuê; công trình văn hóa, thể thao, hạ tầng kỹ thuật có liên quan phục vụ đoàn viên công đoàn, người lao động theo quy định của pháp luật;

k) Hoạt động bảo đảm bình đẳng giới phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn;

l) Nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tổ chức Công đoàn;

m) Chi quản lý hành chính để phục vụ hoạt động của tổ chức Công đoàn các cấp, hoạt động hợp tác quốc tế của Công đoàn;

n) Trả lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương cho cán bộ công đoàn chuyên trách, phụ cấp hoạt động cho cán bộ công đoàn không chuyên trách;

o) Hỗ trợ cho cán bộ công đoàn không chuyên trách trong thời gian gián đoạn việc làm, không thể trở lại làm công việc cũ do bị người sử dụng lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, buộc thôi việc hoặc sa thải trái pháp luật;

p) Hỗ trợ công đoàn cơ sở nơi được miễn, giảm hoặc tạm dừng đóng kinh phí công đoàn quy định của Luật Công đoàn để chăm lo cho đoàn viên công đoàn, người lao động;

q) Hoạt động xã hội do Công đoàn chủ trì hoặc phối hợp;

r) Nhiệm vụ chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý tài chính công đoàn

a) Tài chính công đoàn được quản lý theo nguyên tắc tập trung, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm của công đoàn các cấp.

b) Ban chấp hành, Đoàn Chủ tịch, ban thường vụ công đoàn các cấp có nhiệm vụ quản lý tài chính công đoàn theo đúng quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định chi tiết Điều này.

Điều 37. Tài sản của Công đoàn

1. Tài sản của công đoàn được hình thành từ nguồn đóng góp của đoàn viên công đoàn; từ nguồn vốn công đoàn; tài chính công đoàn; tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật; tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật là tài sản của Công đoàn.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Công đoàn các cấp, đơn vị sự nghiệp của Công đoàn được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản; chịu trách nhiệm trước Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trước pháp luật về việc sử dụng, quản lý các tài sản đó.

4. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định chi tiết Điều này.

Chương IX

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CÔNG ĐOÀN VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP

Điều 38. Công tác kiểm tra, giám sát

Kiểm tra, giám sát của Công đoàn là nhiệm vụ của ban chấp hành công đoàn mỗi cấp, nhằm đảm bảo thực hiện Điều lệ, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn. Mỗi cấp công đoàn phải tổ chức, tiến hành kiểm tra, giám sát ở cấp mình và chịu sự kiểm tra, giám sát của công đoàn cấp trên.

Điều 39. Ủy ban kiểm tra công đoàn

1. Ủy ban kiểm tra là cơ quan kiểm tra, giám sát của công đoàn do ban chấp hành công đoàn cùng cấp bầu ra và phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận.

2. Ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành công đoàn cùng cấp và hướng dẫn, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra công đoàn cấp trên. Ủy ban kiểm tra công đoàn chịu trách nhiệm trước ban chấp hành công đoàn cùng cấp về kết quả kiểm tra, giám sát do ủy ban kiểm tra công đoàn tổ chức thực hiện.

3. Số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra do ban chấp hành công đoàn cùng cấp quyết định, gồm một số ủy viên trong ban chấp hành và một số ủy viên ngoài ban chấp hành; số lượng ủy viên ban chấp hành công đoàn cùng cấp tham gia ủy ban kiểm tra không vượt quá một phần ba (1/3) tổng số ủy viên ủy ban kiểm tra.

4. Nguyên tắc, thể lệ và hình thức bầu cử ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra như bầu cử ban chấp hành và các chức danh trong ban chấp hành công đoàn, trong đó:

a) Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra công đoàn cấp nào do ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra do ủy ban kiểm tra bầu.

b) Công đoàn cấp cơ sở có dưới 30 đoàn viên thì đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định 01 ủy viên ban chấp hành công đoàn làm công tác kiểm tra.

5. Khi thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ủy ban kiểm tra. Thời gian hoạt động của ủy ban kiểm tra và các chức danh trong ủy ban kiểm tra thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.

6. Nhiệm kỳ của ủy ban kiểm tra công đoàn theo nhiệm kỳ của ban chấp hành công đoàn cùng cấp.

7. Ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, thôi không là cán bộ công đoàn chuyên trách hoặc chuyển công tác mà không thuộc cơ cấu tham gia ủy ban kiểm tra công đoàn thì đương nhiên thôi ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn, kể từ thời điểm nghỉ hưu, nghỉ việc chờ nghỉ hưu, thôi việc, thôi không là cán bộ công đoàn chuyên trách hoặc chuyển công tác ghi trong quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

8. Khi khuyết ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cấp nào, ban chấp hành công đoàn cấp đó bầu bổ sung. Trường hợp đặc biệt, do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định.

Điều 40. Nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam đối với tổ chức công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

2. Kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý kịp thời khi tổ chức, cán bộ, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Công đoàn Việt Nam, nghị quyết, quy định, quyết định của công đoàn.

3. Kiểm tra, giám sát việc thu, phân phối, quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Công đoàn, hoạt động kinh tế của công đoàn cùng cấp và công đoàn cấp dưới theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Giám sát tổ chức công đoàn, ủy viên ban chấp hành, cán bộ công đoàn cùng cấp và cấp dưới về thực hiện Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quyết định và các quy định, quy chế của tổ chức công đoàn và quy định của Đảng, Nhà nước.

5. Tham mưu, xử lý kỷ luật tổ chức công đoàn, cán bộ, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi có vi phạm theo quy định.

6. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của tổ chức công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước và người sử dụng lao động giải quyết khiếu nại, tố cáo của đoàn viên, người lao động theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát của công đoàn đối với ủy viên ủy ban kiểm tra công đoàn cùng cấp và cấp dưới.

Điều 41. Quyền của uỷ ban kiểm tra công đoàn các cấp

1. Uỷ ban kiểm tra công đoàn có quyền kiểm tra, giám sát tổ chức công đoàn, uỷ viên ban chấp hành công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn cùng cấp và cấp dưới về thực hiện Điều lệ, nghị quyết và các quy định của tổ chức công đoàn, quy định của Đảng, Nhà nước.

2. Uỷ ban kiểm tra công đoàn được xem xét, quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, đoàn viên công đoàn khi có vi phạm theo thẩm quyền quy định xử lý kỷ luật trong tổ chức công đoàn.

3. Uỷ viên uỷ ban kiểm tra công đoàn được học tập, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát công đoàn; được mời dự các hội nghị của ban chấp hành và đại hội, hội nghị công đoàn cùng cấp.

4. Báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp về hoạt động kiểm tra, giám sát công đoàn và đề xuất các nội dung, chương trình công tác của uỷ ban kiểm tra công đoàn trong các hội nghị thường kỳ của ban chấp hành công đoàn.

5. Yêu cầu tổ chức công đoàn và người chịu trách nhiệm của tổ chức công đoàn, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn được kiểm tra, giám sát có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra, giám sát và trả lời những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

6. Báo cáo kết luận kiểm tra, giám sát và đề xuất các hình thức xử lý với cơ quan thường trực của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Những kiến nghị của uỷ ban kiểm tra công đoàn không được cơ quan thường trực ban chấp hành công đoàn cùng cấp giải quyết, thì uỷ ban kiểm tra công đoàn có quyền báo cáo với ban chấp hành công đoàn cùng cấp và báo cáo lên uỷ ban kiểm tra công đoàn cấp trên.

7. Uỷ ban kiểm tra công đoàn cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở được sử dụng con dấu của ban chấp hành công đoàn cùng cấp. Uỷ ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và uỷ ban kiểm tra liên đoàn lao động tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được sử dụng con dấu riêng, theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Chương X **KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT**

Điều 42. Khen thưởng

Tổ chức công đoàn, tập thể, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn có thành tích, đóng góp cho sự phát triển của tổ chức công đoàn được xét khen thưởng theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 43. Kỷ luật

1. Tổ chức công đoàn, tập thể, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật nghiêm minh, chính xác và kịp thời.

2. Hình thức xử lý kỷ luật

a) Đối với tổ chức công đoàn, tập thể ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

b) Đối với cán bộ công đoàn: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

c. Đối với đoàn viên công đoàn: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ.

3. Thẩm quyền và thủ tục xử lý kỷ luật trong tổ chức công đoàn các cấp, thực hiện theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Chương XI **CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

Điều 44. Trách nhiệm thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam

1. Tổ chức công đoàn các cấp, cán bộ công đoàn, đoàn viên công đoàn có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

2. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều 45. Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam

1. Điều lệ Công đoàn Việt Nam do Đại hội Công đoàn Việt Nam thông qua. Chỉ Đại hội Công đoàn Việt Nam mới có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

2. Những vấn đề mới phát sinh chưa được quy định trong Điều lệ Công đoàn Việt Nam thì Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện thí điểm và báo cáo tại Đại hội Công đoàn Việt Nam để sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công đoàn Việt Nam cho phù hợp./.